

Số: /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận
năng lực ngoại ngữ đợt 01 năm 2022

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HĐĐH ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-ĐHH ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án và giao cho Khoa Quốc tế - Đại học Huế tổ chức ôn tập và thi đánh giá nội bộ năng lực ngoại ngữ cho học viên cao học thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1682/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy định về thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cho học viên cao học thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-ĐHH ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc bổ sung hình thức thi trực tuyến kỳ thi đánh giá nội bộ năng lực ngoại ngữ cho học viên cao học thuộc Đại học Huế trong thời gian bị ảnh hưởng COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cho học viên cao học thuộc Đại học Huế năm 2022 và Tổ giúp việc;

Căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ dành cho học viên cao học thuộc Đại học Huế, đợt 1, năm 2022, tổ chức vào ngày 26 tháng 03 năm 2022 và 27 tháng 03 năm 2022 tại Đại học Huế

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thi và xét công nhận kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cho học viên cao học thuộc Đại học Huế ngày 18 tháng 04 năm 2022;
Theo đề nghị của Khoa trưởng Khoa Quốc tế, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ bậc B1 (CEFR), tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 318 thí sinh, trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đợt 1 năm 2022 tổ chức vào ngày 26 tháng 03 năm 2022 và ngày 27 tháng 03 năm 2022 tại Đại học Huế (*Có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Ban Thanh tra và Pháp chế, Khoa trưởng Khoa Quốc tế và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thành viên Hội đồng;
- Lưu:VT, Ban ĐTCTSV, KQT.NTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT VÀ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TIẾNG ANH BẬC B1 (TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3/6 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC CỦA BỘ GD-ĐT)
ĐỢT THI 01 NĂM 2022 - ĐẠI HỌC HUẾ; NGÀY THI 26/3/2022 và 27/03/2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHH ngày tháng năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế)

STT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Đơn vị đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Mã số học viên	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng điểm	Kết luận
1	AB122010001	Lê Văn Á	Nam	05/03/1979	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO233	16,00	13,00	28,00	20,00	77,00	Đạt
2	AB122010002	Trần Thị Thiên An	Nữ	18/05/1981	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2041042	17,00	15,00	24,00	20,00	76,00	Đạt
3	AB122010003	Phạm Vũ Hà An	Nữ	12/01/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062001	18,00	15,00	30,00	26,00	89,00	Đạt
4	AB122010004	Mai Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	13/11/1992	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2041002	17,00	17,00	24,00	25,00	83,00	Đạt
5	AB122010005	Đoàn Ngọc Hoàng Anh	Nam	27/08/1996	Trường ĐHL	Luật Kinh tế	20L6018001	17,00	13,00	29,00	27,00	86,00	Đạt
6	AB122010006	Nguyễn Phương Anh	Nữ	01/11/1994	Trường ĐHL	Luật kinh tế	20D6011001	14,00	12,00	29,00	26,00	81,00	Đạt
7	AB122010007	Võ Phương Anh	Nữ	08/03/1998	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062037	13,00	15,00	29,00	19,00	76,00	Đạt
8	AB122010008	Trần Đức Anh	Nam	02/02/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062038	15,00	12,00	27,00	22,00	76,00	Đạt
9	AB122010009	Mai Tâm Anh	Nam	14/04/1991	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062002	19,00	16,00	21,00	23,00	79,00	Đạt
10	AB122010010	Nguyễn Cẩm Anh	Nữ	06/08/1988	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062003	15,00	13,00	23,00	20,00	71,00	Đạt
11	AB122010011	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	03/10/1998	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO234	16,00	16,00	19,00	20,00	71,00	Đạt
12	AB122010012	Nguyễn Hoàng Vân Anh	Nữ	24/12/1994	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO685	13,00	17,00	26,00	27,00	83,00	Đạt
13	AB122010013	Phạm Lê Huỳnh Anh	Nữ	18/06/1998	Trường ĐHSP	Lý luận Văn học	2020LLVH351	18,00	17,00	25,00	27,00	87,00	Đạt
14	AB122010014	Trần Ngọc Anh	Nữ	01/11/1975	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL001	11,00	15,00	22,00	27,00	75,00	Đạt
15	AB122010015	Trần Vũ Ngọc Ánh	Nữ	10/10/1981	Trường ĐHSP	PP Sinh K30	2021PS001	13,00	16,00	25,00	22,00	76,00	Đạt
16	AB122010016	Phạm Quốc Bảo	Nam	06/06/1981	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2041003	16,00	12,00	28,00	24,00	80,00	Đạt
17	AB122010017	Đình Đức Bảo	Nam	18/02/1990	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL629	14,00	13,00	28,00	26,00	81,00	Đạt
18	AB122010019	Lê Hoàng Bắc	Nam	15/03/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2019CHQT434	18,00	13,00	27,00	26,00	84,00	Đạt
19	AB122010021	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	05/07/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL499	17,00	7,00	24,00	20,00	68,00	Đạt
20	AB122010022	Võ Thị Thanh Bình	Nữ	01/12/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS004	8,00	14,00	26,00	22,00	70,00	Đạt

21	AB122010023	Phan Thị Thanh Bình	Nữ	10/12/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS003	15,00	14,00	20,00	22,00	71,00	Đạt
22	AB122010024	Đào Vinh Bộ	Nam	20/06/1987	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM văn - TV	2021PV002	7,00	13,50	23,00	16,00	59,50	Đạt
23	AB122010025	Cao Thị Hồng Búp	Nữ	20/10/1988	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL628	15,00	13,50	25,00	24,00	77,50	Đạt
24	AB122010026	Nguyễn Văn Cầm	Nam	15/11/1985	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL530	15,00	8,00	26,00	22,00	71,00	Đạt
25	AB122010027	Đinh Thị Anh Cầm	Nữ	06/07/1994	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD056	12,00	7,00	26,00	24,00	69,00	Đạt
26	AB122010028	Nguyễn Thị Cầm	Nữ	08/07/1995	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH047	12,00	14,50	19,00	18,00	63,50	Đạt
27	AB122010029	Nguyễn Hoàng Phương Chi	Nữ	23/06/1993	Trường ĐHKHT	Quản trị kinh doanh	2021001	18,00	14,00	19,00	21,00	72,00	Đạt
28	AB122010030	Phan Thị Uyên Chi	Nữ	11/02/1986	Trường ĐHSP	GDH (Mầm non)	2021GD135	18,00	14,00	24,00	23,00	79,00	Đạt
29	AB122010031	Lê Thị Khánh Chi	Nữ	06/09/1995	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD084	14,00	14,00	30,00	10,00	68,00	Đạt
30	AB122010033	Nguyễn Chí	Nam	26/10/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Lịch sử	2020PPLS197	17,00	12,00	22,00	18,00	69,00	Đạt
31	AB122010034	Tơ Ngól Chín	Nam	01/08/1995	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021-2023	15,00	11,00	22,00	14,00	62,00	Đạt
32	AB122010035	Kiều Thị Chuyển	Nữ	02/10/1984	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2020QLGD380	12,00	12,00	26,00	22,00	72,00	Đạt
33	AB122010036	Dương Thị Chương	Nữ	10/12/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL318	15,00	11,00	28,00	23,00	77,00	Đạt
34	AB122010037	Phan Tiến Diện	Nam	15/05/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT005	17,00	11,00	26,00	27,00	81,00	Đạt
35	AB122010038	Mai Thị Dịu	Nữ	05/02/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL162	15,00	10,00	27,00	27,00	79,00	Đạt
36	AB122010039	Trần Thị Kim Dung	Nữ	10/01/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL167	17,00	10,00	27,00	23,00	77,00	Đạt
37	AB122010040	Nguyễn Thị Dung	Nữ	16/07/1985	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL166	19,00	7,00	29,00	26,00	81,00	Đạt
38	AB122010041	Đoàn Trung Dũng	Nam	18/09/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062004	17,00	8,00	24,00	20,00	69,00	Đạt
39	AB122010043	Nguyễn Vũ Duy	Nam	02/11/1982	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062005	18,00	10,00	29,00	25,00	82,00	Đạt
40	AB122010044	Phạm Ngọc Duy	Nam	28/05/1987	Trường ĐHNL	KHCT	19MA012004	15,00	7,00	16,00	25,00	63,00	Đạt
41	AB122010045	Trần Tiến Duy	Nam	24/12/1981	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL624	20,00	8,00	30,00	25,00	83,00	Đạt
42	AB122010046	Nguyễn Thị Kim Duyên	Nữ	06/05/1996	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2020PPDL131	13,00	8,00	23,00	23,00	67,00	Đạt
43	AB122010047	Trần Hải Dương	Nam	10/02/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL005	15,00	7,00	27,00	25,00	74,00	Đạt
44	AB122010049	Mai Văn Dương	Nam	10/10/1985	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062085	17,00	8,00	23,00	22,00	70,00	Đạt
45	AB122010050	Lê Thị Đào	Nữ	08/05/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT004	18,00	12,00	23,00	22,00	75,00	Đạt
46	AB122010051	Ngô Thị Anh Đào	Nữ	10/10/1972	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL532	10,00	7,00	26,00	25,00	68,00	Đạt
47	AB122010052	Lê Thị Hồng Đào	Nữ	02/09/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL657	8,00	8,00	24,00	24,00	64,00	Đạt
48	AB122010053	Cao Thị Điệp	Nữ	10/12/1989	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD057	17,00	7,00	26,00	26,00	76,00	Đạt

49	AB122010054	Hoàng Tấn Đông	Nam	03/09/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL534	12,00	8,00	22,00	20,00	62,00	Đạt
50	AB122010056	Đình Trọng Đức	Nam	02/09/1991	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062098	15,00	8,00	26,00	22,00	71,00	Đạt
51	AB122010057	Lê Xuân Đức	Nam	05/12/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT008	18,00	9,00	27,00	20,00	74,00	Đạt
52	AB122010058	Lê Đình Đức	Nam	06/11/1984	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL003	12,00	11,00	27,00	26,00	76,00	Đạt
53	AB122010059	Bùi Minh Giang	Nữ	01/01/1992	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062058	16,00	15,00	29,00	20,00	80,00	Đạt
54	AB122010060	Bùi Thị Giang	Nữ	10/09/1982	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH050	17,00	7,00	27,00	20,00	71,00	Đạt
55	AB122010061	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	28/09/1984	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL541	14,00	10,00	28,00	20,00	72,00	Đạt
56	AB122010063	Đỗ Trọng Giáp	Nam	11/04/1984	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM vật lý	2019CHAG1026	14,00	18,00	22,00	20,00	74,00	Đạt
57	AB122010064	Trần Thị Thanh Hà	Nữ	18/05/1979	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH0051	12,00	8,00	26,00	21,00	67,00	Đạt
58	AB122010065	Trần Thị Việt Hà	Nữ	13/03/1979	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT010	10,00	10,00	23,00	22,00	65,00	Đạt
59	AB122010066	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	04/03/1995	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD138	15,00	16,00	27,00	22,00	80,00	Đạt
60	AB122010067	Phan Thị Hà	Nữ	20/01/1979	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS005	16,00	9,00	27,00	26,00	78,00	Đạt
61	AB122010068	Trần Thị Thuý Hà	Nữ	09/04/1994	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL006	15,00	13,00	25,00	26,00	79,00	Đạt
62	AB122010070	Lê Thị Ngọc Hà	Nữ	28/12/1989	Trường ĐHSP	Văn học Việt Nam	2021VV003	19,00	13,00	28,00	16,00	76,00	Đạt
63	AB122010071	Lê Thị Nhật Hà	Nữ	14/08/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM văn - TV	2021PV010	19,00	14,00	25,00	22,00	80,00	Đạt
64	AB122010072	Trần Quốc Hải	Nam	19/04/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062039	11,00	12,00	29,00	20,00	72,00	Đạt
65	AB122010073	Mạc Phương Hải	Nam	12/03/1984	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062006	15,00	13,00	27,00	19,00	74,00	Đạt
66	AB122010074	Võ Phi Hải	Nam	21/08/1981	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062086	14,00	11,00	29,00	20,00	74,00	Đạt
67	AB122010075	Nguyễn Thanh Hải	Nam	05/06/1989	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2020HTTT094	13,00	12,00	29,00	21,00	75,00	Đạt
68	AB122010076	Trần Đức Hải	Nam	28/02/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH053	18,00	13,00	26,00	21,00	78,00	Đạt
69	AB122010077	Dương Thị Hồng Hải	Nữ	21/02/1978	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL548	14,00	12,00	29,00	26,00	81,00	Đạt
70	AB122010078	Phan Thị Hạnh	Nữ	12/04/1986	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062040	17,00	10,00	28,00	20,00	75,00	Đạt
71	AB122010079	Hồ Đức Hạnh	Nữ	16/12/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL554	14,00	11,00	29,00	22,00	76,00	Đạt
72	AB122010080	Bùi Đức Hạnh	Nam	11/05/1982	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI009	18,00	12,00	27,00	21,00	78,00	Đạt
73	AB122010081	Phạm Thị Thuý Hạnh	Nữ	05/06/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL085	13,00	8,00	20,00	19,00	60,00	Đạt
74	AB122010082	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	06/09/1981	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL445	17,00	8,00	29,00	21,00	75,00	Đạt
75	AB122010083	Lê Thị Thuý Hằng	Nữ	13/11/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL172	16,00	8,00	29,00	23,00	76,00	Đạt
76	AB122010084	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	08/07/1996	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020PPHH173	17,00	11,00	27,00	27,00	82,00	Đạt

77	AB122010085	Lê Thị Hằng	Nữ	22/03/1986	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL633	18,00	9,00	23,00	22,00	72,00	Đạt
78	AB122010086	Trương Thị Hân	Nữ	12/09/1973	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL551	11,00	8,00	22,00	20,00	61,00	Đạt
79	AB122010087	Dương Thành Hân	Nam	26/04/1979	Trường ĐHSP	LL & PP DH BM lịch sử	2021SPO004	17,00	8,00	26,00	27,00	78,00	Đạt
80	AB122010088	Đỗ Thị Thu Hiền	Nữ	12/12/1981	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062059	15,00	14,00	28,00	21,00	78,00	Đạt
81	AB122010089	Trần Thanh Hiền	Nam	07/02/1978	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062099	14,00	12,00	24,00	22,00	72,00	Đạt
82	AB122010090	Lê Thị Hiền	Nữ	15/10/1996	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH055	7,00	15,00	22,00	24,00	68,00	Đạt
83	AB122010091	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	18/07/1995	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH056	16,00	15,00	18,00	17,00	66,00	Đạt
84	AB122010092	Trần Thị Hiền	Nữ	15/10/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT012	16,00	14,00	22,00	21,00	73,00	Đạt
85	AB122010093	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	06/06/1989	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Vật Lý	2021PL008	18,00	16,00	25,00	25,00	84,00	Đạt
86	AB122010094	Vân Thị Thu Hiền	Nữ	15/06/1972	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL556	15,00	11,00	24,00	20,00	70,00	Đạt
87	AB122010095	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	10/06/1983	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2021DP006	18,00	14,00	27,00	20,00	79,00	Đạt
88	AB122010096	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	12/08/1976	Trường ĐHSP	Văn học Việt Nam	2021VV008	14,00	15,00	27,00	27,00	83,00	Đạt
89	AB122010097	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	10/02/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH057	11,00	14,00	24,00	16,00	65,00	Đạt
90	AB122010098	Nguyễn Công Huy Hiệp	Nam	18/07/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL625	19,00	15,00	28,00	20,00	82,00	Đạt
91	AB122010099	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Nữ	09/02/1987	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062060	17,00	14,00	21,00	23,00	75,00	Đạt
92	AB122010100	Phan Thị Hiếu	Nữ	05/08/1984	Trường ĐHYD	Điều dưỡng	20CH8720251	16,00	13,00	17,00	20,00	66,00	Đạt
93	AB122010101	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	23/09/1990	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD048	18,00	15,00	28,00	23,00	84,00	Đạt
94	AB122010102	Trần Thị Thu Hoà	Nữ	01/01/1992	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH060	17,00	12,00	29,00	19,00	77,00	Đạt
95	AB122010103	Trần Thị Hòa	Nữ	02/12/1993	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO259	11,00	11,00	15,00	22,00	59,00	Đạt
96	AB122010104	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	15/10/1972	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH059	11,00	16,00	18,00	21,00	66,00	Đạt
97	AB122010105	Hồ Thị Mỹ Hoài	Nữ	23/02/1996	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041010	14,00	12,00	26,00	25,00	77,00	Đạt
98	AB122010106	Lại Ngọc Hoài	Nam	04/01/1985	Trường ĐHL	Luật kinh tế	21L6013016	12,00	10,00	27,00	20,00	69,00	Đạt
99	AB122010107	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	08/09/1989	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD49	14,00	14,00	26,00	22,00	76,00	Đạt
100	AB122010108	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	27/12/1991	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062041	19,00	16,00	23,00	27,00	85,00	Đạt
101	AB122010109	Trương Thanh Hoàng	Nam	04/03/1983	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062100	15,00	8,00	26,00	25,00	74,00	Đạt
102	AB122010110	Phan Thị Lệ Hồng	Nữ	09/01/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS006	18,00	12,00	25,00	20,00	75,00	Đạt
103	AB122010111	Trần Thị Thúy Hồng	Nữ	08/11/1990	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD050	17,00	12,00	30,00	25,00	84,00	Đạt
104	AB122010113	Hoàng Quang Huệ	Nam	13/05/1987	Trường ĐHSP	LL & PP DH BM lịch sử	2021SPO006	9,00	11,00	16,00	17,00	53,00	Đạt

105	AB122010114	Đỗ Xuân Hùng	Nam	20/03/1979	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL010	16,00	12,00	30,00	25,00	83,00	Đạt
106	AB122010115	Nguyễn Đắc Hùng	Nam	27/07/1981	Trường ĐHSP	Địa Lý tự nhiên	2020ĐLTN014	14,00	12,00	26,00	20,00	72,00	Đạt
107	AB122010116	Nguyễn Thị Huy	Nữ	20/04/1975	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL004	17,00	13,00	26,00	23,00	79,00	Đạt
108	AB122010117	Trương Công Hưng	Nam	03/10/1998	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062062	17,00	11,00	24,00	22,00	74,00	Đạt
109	AB122010118	Nguyễn Quang Hưng	Nam	28/06/1977	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2018CHQT318	16,00	12,00	26,00	22,00	76,00	Đạt
110	AB122010119	Phan Đình Hưng	Nam	08/11/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL422	18,00	10,00	25,00	27,00	80,00	Đạt
111	AB122010120	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	25/07/1981	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL003	9,00	11,00	21,00	25,00	66,00	Đạt
112	AB122010121	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/08/1985	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2143005	15,00	10,00	26,00	20,00	71,00	Đạt
113	AB122010122	Đào Thị Hương	Nữ	06/05/1982	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH062	10,00	11,00	15,00	25,00	61,00	Đạt
114	AB122010123	Lê Duy Kiên	Nam	20/04/1996	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062042	16,00	13,00	29,00	20,00	78,00	Đạt
115	AB122010124	Nông Văn Kiên	Nam	16/01/1986	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062101	15,00	10,00	25,00	25,00	75,00	Đạt
116	AB122010125	Nguyễn Tuấn Khanh	Nam	19/01/1981	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062007	17,00	10,00	29,00	25,00	81,00	Đạt
117	AB122010126	Nguyễn Phú Khánh	Nam	31/03/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	20MA062025	14,00	11,00	28,00	17,00	70,00	Đạt
118	AB122010127	Huỳnh Ngọc Anh Khôi	Nam	19/12/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062010	17,00	12,00	27,00	27,00	83,00	Đạt
119	AB122010128	Nguyễn Thị Lai	Nữ	15/04/1987	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2020PPĐL138	16,00	12,00	22,00	22,00	72,00	Đạt
120	AB122010130	Lê Văn Lam	Nam	23/02/1978	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL270	18,00	9,00	26,00	25,00	78,00	Đạt
121	AB122010131	Lê Thị Kim Lan	Nữ	07/03/1983	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020PPHH176	13,00	10,00	22,00	18,00	63,00	Đạt
122	AB122010132	Nguyễn Thị Lan	Nữ	12/06/1979	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI003	10,00	12,00	16,00	16,00	54,00	Đạt
123	AB122010133	Nguyễn Hoàng Lan	Nữ	25/03/1989	Trường ĐHSP	Văn học	2021VH010	17,00	12,00	30,00	22,00	81,00	Đạt
124	AB122010134	Nguyễn Cao Lãnh	Nam	16/08/1986	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL005	12,00	10,00	24,00	20,00	66,00	Đạt
125	AB122010137	Hoàng Thị Lê	Nữ	17/12/1985	Trường ĐHSP	LL-PP dạy học BM Vật Lý	2021PL015	16,00	11,00	17,00	17,00	61,00	Đạt
126	AB122010138	Lê Thanh Liêm	Nam	26/01/1980	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH063	19,00	10,00	26,00	20,00	75,00	Đạt
127	AB122010139	Phạm Thị Ái Liên	Nữ	06/03/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL571	19,00	13,00	28,00	18,00	78,00	Đạt
128	AB122010140	Lê Thị Liên	Nữ	17/06/1980	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2021DP007	17,00	16,00	26,00	26,00	85,00	Đạt
129	AB122010141	Trương Thị Mỹ Liễu	Nữ	20/04/1991	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2020PPĐL139	13,00	12,00	21,00	25,00	71,00	Đạt
130	AB122010142	Hồ Ngọc Linh	Nam	30/08/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL016	13,00	13,00	27,00	22,00	75,00	Đạt
131	AB122010143	Nguyễn Thị Linh	Nữ	03/03/1981	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD065	15,00	7,00	25,00	21,00	68,00	Đạt

132	AB122010144	Tô Thị Linh	Nữ	29/09/1986	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD051	16,00	11,00	26,00	24,00	77,00	Đạt
133	AB122010145	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	03/08/1998	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Văn -TV	2020PPNV319	13,00	17,00	24,00	23,00	77,00	Đạt
134	AB122010146	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Nữ	17/07/1985	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062012	15,00	8,00	28,00	20,00	71,00	Đạt
135	AB122010147	Võ Thị Loan	Nữ	17/06/1989	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Địa Lý	2001DT008	16,00	8,00	20,00	18,00	62,00	Đạt
136	AB122010148	Lê Nhật Long	Nam	20/01/1988	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062015	16,00	8,50	26,00	23,00	73,50	Đạt
137	AB122010149	Trần Châu Long	Nam	24/06/1980	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062088	17,00	12,50	27,00	21,00	77,50	Đạt
138	AB122010150	Lại Thế Lộc	Nam	05/10/1985	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2141053	17,00	9,00	28,00	25,00	79,00	Đạt
139	AB122010151	Hoàng Văn Lộc	Nam	27/08/1997	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062013	19,00	10,00	26,00	18,00	73,00	Đạt
140	AB122010152	Nguyễn Quang Lộc	Nam	06/03/1981	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062014	11,00	13,00	25,00	14,00	63,00	Đạt
141	AB122010153	Hoàng Đình Lộc	Nam	19/06/1996	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD066	10,00	9,50	13,00	21,00	53,50	Đạt
142	AB122010154	Lê Nguyên Lộc	Nữ	08/03/1981	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL007	14,00	12,00	22,00	24,00	72,00	Đạt
143	AB122010155	Nguyễn Hữu Lợi	Nam	12/11/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL016	18,00	13,50	29,00	18,00	78,50	Đạt
144	AB122010157	Nguyễn Thị Lượng	Nữ	10/08/1979	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2041015	16,00	7,00	29,00	23,00	75,00	Đạt
145	AB122010158	Trần Đăng Lưu	Nam	01/08/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020PPHH178	16,00	14,50	24,00	20,00	74,50	Đạt
146	AB122010159	Lê Phúc Lý	Nam	01/08/1978	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062102	14,00	14,00	24,00	20,00	72,00	Đạt
147	AB122010160	Ngô Thị Lý	Nữ	08/09/1984	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS007	19,00	10,00	25,00	24,00	78,00	Đạt
148	AB122010161	Trần Thị Mai	Nữ	16/05/1988	Trường ĐHNL	KHCT	20MA012003	11,00	10,00	20,00	11,00	52,00	Đạt
149	AB122010162	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	07/08/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL577	17,00	11,00	29,00	21,00	78,00	Đạt
150	AB122010163	Trần Thị Phương Mai	Nữ	21/12/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL018	15,00	10,00	19,00	21,00	65,00	Đạt
151	AB122010164	Nguyễn Quang Minh	Nam	10/01/1980	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062076	18,00	8,00	25,00	18,00	69,00	Đạt
152	AB122010165	Châu Phù Bảo Minh	Nam	15/01/1976	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2020HTTT096	18,00	12,00	27,00	22,00	79,00	Đạt
153	AB122010166	Hoàng Văn Minh	Nam	12/11/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL578	13,00	8,00	28,00	16,00	65,00	Đạt
154	AB122010168	Mai Thị Mơ	Nữ	22/05/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL019	16,00	13,00	29,00	18,00	76,00	Đạt
155	AB122010169	Nguyễn Hoàng Mỹ	Nam	29/03/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL008	18,00	9,00	26,00	27,00	80,00	Đạt
156	AB122010170	Nguyễn Phú Nam	Nam	12/11/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062016	16,00	15,00	24,00	25,00	80,00	Đạt
157	AB122010171	Lê Hồng Nam	Nam	04/06/1979	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2018CHQT320	13,00	15,00	18,00	13,00	59,00	Đạt
158	AB122010172	Trần Duy Nam	Nam	19/12/1978	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL581	17,00	12,00	30,00	18,00	77,00	Đạt
159	AB122010173	Hoàng Phương Nga	Nữ	07/05/1997	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO274	15,00	18,00	21,00	22,00	76,00	Đạt

160	AB122010174	Lê Thị Kiều Nga	Nữ	02/02/1997	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO275	14,00	20,00	23,00	20,00	77,00	Đạt
161	AB122010175	Nguyễn Lê Thanh Nga	Nữ	19/06/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Vật Lý	2021PL020	16,00	14,00	26,00	21,00	77,00	Đạt
162	AB122010176	Trần Thị Nga	Nữ	29/06/1972	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL278	14,00	9,00	29,00	27,00	79,00	Đạt
163	AB122010178	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	28/10/1995	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	19MA062026	9,00	10,00	22,00	20,00	61,00	Đạt
164	AB122010179	Lê Văn Nghĩa	Nam	09/06/1987	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062103	7,00	8,00	22,00	25,00	62,00	Đạt
165	AB122010180	Hoàng Thị Ngoan	Nữ	08/08/1972	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL582	13,00	11,00	29,00	23,00	76,00	Đạt
166	AB122010181	Hoàng Minh Ngọc	Nữ	20/03/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062017	18,00	17,00	25,00	21,00	81,00	Đạt
167	AB122010182	Ngô Thị Bích Ngọc	Nữ	13/04/1985	Trường ĐHSP	GDH (Mầm non)	2021GD067	7,00	15,00	18,00	26,00	66,00	Đạt
168	AB122010183	Hồ Thị Khánh Ngọc	Nữ	06/04/1998	Trường ĐHSP	PPDHBM Văn -TV	2020PPNV321	10,00	15,00	26,00	20,00	71,00	Đạt
169	AB122010184	Lưu Bảo Ngọc	Nữ	06/06/1996	Trường ĐHSP	Lý luận Văn học	2020LLVH354	16,00	19,00	26,00	24,00	85,00	Đạt
170	AB122010185	Nguyễn Bình Nguyên	Nam	03/09/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062043	13,00	11,00	28,00	21,00	73,00	Đạt
171	AB122010186	Trịnh Vũ Nguyên	Nam	23/05/1992	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062018	16,00	7,00	26,00	14,00	63,00	Đạt
172	AB122010187	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Nữ	27/04/1985	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD068	16,00	15,00	27,00	10,00	68,00	Đạt
173	AB122010188	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	14/10/1991	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD053	17,00	14,00	27,00	27,00	85,00	Đạt
174	AB122010189	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	26/08/1984	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041068	16,00	12,00	26,00	23,00	77,00	Đạt
175	AB122010190	Nguyễn Lê Thuý Nhân	Nữ	07/05/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS009	18,00	11,00	27,00	27,00	83,00	Đạt
176	AB122010193	Phạm Ngọc Minh Nhật	Nam	02/01/1985	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT026	14,00	13,00	25,00	19,00	71,00	Đạt
177	AB122010194	Lê Phú Nhật	Nam	10/07/1987	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL011	10,00	12,00	19,00	27,00	68,00	Đạt
178	AB122010196	Phan Thị Bảo Nhi	Nữ	17/08/1987	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Vật Lý	2021PL021	12,00	14,00	16,00	22,00	64,00	Đạt
179	AB122010197	Trần Thị Hoài Nhi	Nữ	04/04/1995	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD069	14,00	13,00	27,00	21,00	75,00	Đạt
180	AB122010200	Lê Thị Nhung	Nữ	25/06/1990	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPTO285	11,00	13,00	21,00	22,00	67,00	Đạt
181	AB122010201	Bạch Thị Hồng Nhung	Nữ	28/06/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL023	12,00	11,00	18,00	24,00	65,00	Đạt
182	AB122010202	Đặng Thị Thùy Nhung	Nữ	18/09/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD148	14,00	9,00	22,00	20,00	65,00	Đạt
183	AB122010203	Hoàng Thị Cẩm Nhung	Nữ	01/01/1986	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH070	17,00	14,00	26,00	24,00	81,00	Đạt
184	AB122010204	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	28/02/1989	Trường ĐHL	Luật Kinh tế	21E601130020	13,00	12,00	27,00	27,00	79,00	Đạt
185	AB122010205	Phan Nhật Phát	Nam	14/06/1998	Trường ĐHNL	KHCT	20MA012004	14,00	10,00	16,00	18,00	58,00	Đạt
186	AB122010207	Triệu Thị Huyền Phú	Nữ	29/07/1998	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA052146	13,00	9,00	21,00	26,00	69,00	Đạt
187	AB122010208	Hồ Đăng Phú	Nam	02/02/1975	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH072	13,00	12,00	26,00	25,00	76,00	Đạt

188	AB122010209	Mai Văn Phúc	Nam	07/08/1979	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062045	16,00	11,00	29,00	26,00	82,00	Đạt
189	AB122010210	Hồ Văn Phúc	Nam	26/10/1992	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	20MA062010	12,00	11,00	20,00	21,00	64,00	Đạt
190	AB122010211	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	27/12/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL654	14,00	9,00	23,00	25,00	71,00	Đạt
191	AB122010213	Hoàng Xuân Phương	Nam	28/07/1982	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062046	17,00	8,00	23,00	20,00	68,00	Đạt
192	AB122010214	Lê Anh Phương	Nam	30/11/1981	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062047	16,00	13,00	24,00	22,00	75,00	Đạt
193	AB122010215	Lê Thị Uyên Phương	Nữ	15/09/1994	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Vật Lý	2021PL025	10,00	14,00	20,00	20,00	64,00	Đạt
194	AB122010216	Phan Ngọc Phương	Nữ	07/12/1990	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020PPHH182	15,00	15,00	29,00	20,00	79,00	Đạt
195	AB122010217	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	18/10/1981	Trường ĐHYD	Điều dưỡng	20CH8720255	10,00	12,00	16,00	17,00	55,00	Đạt
196	AB122010218	Lê Thị Phương	Nữ	28/05/1980	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2021PH008	17,00	14,00	27,00	28,00	86,00	Đạt
197	AB122010219	Hồ Phúc Quang	Nam	25/03/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2020QLGD538	16,00	13,00	23,00	25,00	77,00	Đạt
198	AB122010220	Đỗ Minh Quân	Nam	22/06/1993	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062019	16,00	15,00	30,00	22,00	83,00	Đạt
199	AB122010221	Lê Đức Quyền	Nam	07/10/1991	Trường ĐHKT	Quản trị kinh doanh	2021014	14,00	11,00	26,00	20,00	71,00	Đạt
200	AB122010222	Vũ Đức Quyền	Nam	02/10/1997	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062048	18,00	8,00	27,00	15,00	68,00	Đạt
201	AB122010223	Trần Thị Thúy Quỳnh	Nữ	04/05/1998	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD103	13,00	16,00	24,00	26,00	79,00	Đạt
202	AB122010224	Trần Thị Minh San	Nữ	01/01/1978	Trường ĐHSP	GDH (Mầm non)	2021GD071	14,00	12,00	24,00	25,00	75,00	Đạt
203	AB122010225	Phạm Văn Sanh	Nam	02/01/1980	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH074	14,00	7,00	24,00	25,00	70,00	Đạt
204	AB122010226	Phạm Văn Sắc	Nam	14/02/1983	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062020	8,00	8,00	24,00	20,00	60,00	Đạt
205	AB122010227	Phạm Thị Bích Sâm	Nữ	17/10/1976	Trường ĐHSP	Địa Lý	2021DP004	12,00	7,00	23,00	25,00	67,00	Đạt
206	AB122010228	Nguyễn Thị Thu Sâm	Nữ	20/02/1987	Trường ĐHSP	Văn học	2021VH007	11,00	17,00	19,00	26,00	73,00	Đạt
207	AB122010229	Đoàn Thị Thuý Sinh	Nữ	22/01/1998	Trường ĐHSP	Địa lý tự nhiên	2020ĐLTN028	9,00	10,00	17,00	22,00	58,00	Đạt
208	AB122010230	Cao Phạm Minh Sơn	Nam	12/06/1988	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062021	15,00	8,00	27,00	20,00	70,00	Đạt
209	AB122010231	Nguyễn Trường Sơn	Nam	28/11/1995	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062022	12,00	10,00	20,00	26,00	68,00	Đạt
210	AB122010232	Thái Văn Sơn	Nam	20/08/1982	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062023	12,00	11,00	24,00	20,00	67,00	Đạt
211	AB122010233	Phạm Hồng Sơn	Nam	09/09/1982	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062106	18,00	8,00	29,00	20,00	75,00	Đạt
212	AB122010234	Trần Quốc Tài	Nam	06/08/1989	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MD062082	10,00	12,00	16,00	12,00	50,00	Đạt
213	AB122010235	Lê Công Tài	Nam	14/10/1991	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062107	17,00	7,00	28,00	20,00	72,00	Đạt
214	AB122010237	Nguyễn Văn Tám	Nam	12/12/1980	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062024	15,00	8,00	20,00	20,00	63,00	Đạt
215	AB122010238	Thái Thành Tâm	Nam	15/09/1995	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062025	17,00	8,00	27,00	14,00	66,00	Đạt

216	AB122010239	Bùi Minh Tâm	Nam	30/04/1995	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062069	12,00	10,00	25,00	20,00	67,00	Đạt
217	AB122010240	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	18/08/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL592	11,00	7,00	27,00	20,00	65,00	Đạt
218	AB122010241	Cao Thị Thanh Tâm	Nữ	19/02/1980	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020PPHH184	17,00	8,00	29,00	26,00	80,00	Đạt
219	AB122010242	Trần Thị Tâm	Nữ	30/12/1987	Trường ĐHSP	Văn học	2021VH009	19,00	7,00	25,00	23,00	74,00	Đạt
220	AB122010243	Lê Thị Minh Tân	Nữ	13/04/1984	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062070	17,00	9,00	24,00	25,00	75,00	Đạt
221	AB122010244	Nguyễn Nhất Tân	Nam	07/02/1977	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI004	17,00	10,00	29,00	25,00	81,00	Đạt
222	AB122010245	Nguyễn Đức Tiến	Nam	04/12/1987	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2141063	12,00	7,00	24,00	26,00	69,00	Đạt
223	AB122010246	Trần Xuân Tiến	Nam	09/01/1991	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062029	13,00	7,00	29,00	20,00	69,00	Đạt
224	AB122010248	Phan Văn Tịnh	Nam	19/03/1988	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062095	13,00	10,00	25,00	20,00	68,00	Đạt
225	AB122010249	Phạm Bảo Toàn	Nam	30/06/1991	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062030	15,00	12,00	17,00	26,00	70,00	Đạt
226	AB122010251	Nguyễn Việt Toán	Nam	12/07/1988	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MD062083	14,00	10,00	26,00	18,00	68,00	Đạt
227	AB122010252	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	24/06/1984	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD078	11,00	13,00	26,00	27,00	77,00	Đạt
228	AB122010253	Hoàng Ngọc Tuấn	Nam	05/12/1984	Trường ĐHL	Luật Kinh tế	20L60180020	12,00	14,00	28,00	27,00	81,00	Đạt
229	AB122010254	Đoàn Công Tuấn	Nam	26/10/1986	Trường ĐHL	Luật Kinh tế	20L60180021	14,00	10,00	22,00	23,00	69,00	Đạt
230	AB122010255	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	03/03/1990	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062054	18,00	15,00	24,00	19,00	76,00	Đạt
231	AB122010256	Nguyễn Hồ Quang Tuấn	Nam	23/07/1987	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062055	16,00	14,00	28,00	19,00	77,00	Đạt
232	AB122010257	Bùi Quang Tuấn	Nam	05/09/1982	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062033	9,00	12,00	12,00	17,00	50,00	Đạt
233	AB122010258	Võ Anh Tuấn	Nam	01/01/1979	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH087	15,00	13,00	27,00	22,00	77,00	Đạt
234	AB122010259	Phan Văn Quốc Tuấn	Nam	03/02/1984	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT039	8,00	14,00	10,00	22,00	54,00	Đạt
235	AB122010261	Huỳnh Thị Minh Tuyên	Nữ	10/10/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM văn - TV	2021PV011	16,00	13,00	21,00	20,00	70,00	Đạt
236	AB122010262	Phùng Thị Ngọc Tuyên	Nữ	02/05/1985	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062034	11,00	10,00	18,00	21,00	60,00	Đạt
237	AB122010263	Võ Thị Kim Tuyên	Nữ	09/01/1983	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD085	15,00	12,00	20,00	20,00	67,00	Đạt
238	AB122010264	Trần Thị Kim Tuyên	Nữ	22/07/1972	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL224	8,00	10,00	27,00	20,00	65,00	Đạt
239	AB122010266	Hồ Thanh Từ	Nam	14/02/1979	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MD062084	10,00	13,00	13,00	18,00	54,00	Đạt
240	AB122010267	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	20/12/1996	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062027	14,00	18,00	27,00	23,00	82,00	Đạt
241	AB122010268	Hoàng Thị Ngọc Thanh	Nữ	03/04/1983	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD072	8,00	13,00	19,00	24,00	64,00	Đạt
242	AB122010269	Lê Tấn Thành	Nam	09/12/1985	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062049	11,00	14,00	23,00	20,00	68,00	Đạt
243	AB122010271	Nguyễn Xuân Thành	Nam	25/02/1977	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL297	16,00	10,00	22,00	24,00	72,00	Đạt

244	AB122010272	Trần Thị Bích Thành	Nữ	25/12/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL015	12,00	16,00	27,00	23,00	78,00	Đạt
245	AB122010273	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	05/11/1998	Trường ĐHNL	KHCT	20MA012005	13,00	17,00	15,00	25,00	70,00	Đạt
246	AB122010274	Vũ Thị Bích Thảo	Nữ	12/08/1976	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT030	19,00	10,00	29,00	24,00	82,00	Đạt
247	AB122010275	Lê Dữ Thảo	Nam	20/03/1995	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI005	16,00	14,00	25,00	27,00	82,00	Đạt
248	AB122010276	Vương Thị Thảo	Nữ	24/10/1979	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD074	14,00	8,00	28,00	25,00	75,00	Đạt
249	AB122010277	Hoàng Thị Xuân Thảo	Nữ	06/05/1988	Trường ĐHSP	GDH (Mầm non)	2021GD055	12,00	10,00	23,00	27,00	72,00	Đạt
250	AB122010279	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	31/01/1991	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2143012	13,00	13,00	17,00	19,00	62,00	Đạt
251	AB122010280	Phạm Thị Thắm	Nữ	27/05/1977	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH059	19,00	12,00	29,00	25,00	85,00	Đạt
252	AB122010281	Lê Thị Thắm	Nữ	01/03/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL595	9,00	11,00	28,00	26,00	74,00	Đạt
253	AB122010282	Trương Thị Thắm	Nữ	10/11/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD104	17,00	11,00	28,00	22,00	78,00	Đạt
254	AB122010283	Hồ Thị Thắng	Nữ	28/08/1978	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062092	18,00	8,00	27,00	20,00	73,00	Đạt
255	AB122010284	Trần Hữu Thắng	Nam	31/10/1978	Trường ĐHSP	Địa Lý tự nhiên	2020DLTN030	14,00	8,50	22,00	21,00	65,50	Đạt
256	AB122010285	Nguyễn Minh Thế	Nam	05/02/1985	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL213	14,00	9,00	13,00	26,00	62,00	Đạt
257	AB122010286	Hoàng Văn Thế	Nam	01/09/1977	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL597	19,00	10,00	24,00	23,00	76,00	Đạt
258	AB122010287	Lê Thị Thêm	Nữ	20/12/1975	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL598	18,00	8,00	26,00	26,00	78,00	Đạt
259	AB122010288	Hồ Thị Anh Thi	Nữ	08/12/1982	Trường ĐHKHT	Quản lý kinh tế	2041079	11,00	8,00	21,00	15,00	55,00	Đạt
260	AB122010289	Đình Thiên	Nam	15/10/1986	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL599	13,00	8,50	21,00	27,00	69,50	Đạt
261	AB122010290	Nguyễn Thành Thiện	Nam	12/07/1980	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Vật Lý	2021PL026	19,00	7,50	26,00	23,00	75,50	Đạt
262	AB122010291	Châu Ngọc Thịnh	Nam	19/05/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062028	14,00	9,00	22,00	21,00	66,00	Đạt
263	AB122010292	Trần Thị Thoa	Nữ	20/11/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT031	10,00	10,00	29,00	23,00	72,00	Đạt
264	AB122010293	Nguyễn Thị Thòa	Nữ	15/02/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL300	13,00	7,00	26,00	27,00	73,00	Đạt
265	AB122010294	Nguyễn Huy Thông	Nam	13/01/1978	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2020QLGD575	12,00	12,00	29,00	27,00	80,00	Đạt
266	AB122010295	Trần Thị Thơm	Nữ	21/09/1974	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL600	10,00	11,00	28,00	17,00	66,00	Đạt
267	AB122010296	Võ Hoàng Minh Thu	Nữ	31/01/1995	Trường ĐHNL	KHCT	19MA012002	13,00	18,00	21,00	21,00	73,00	Đạt
268	AB122010298	Nguyễn Thị Thuần	Nữ	01/12/1981	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL016	13,00	8,50	17,00	26,00	64,50	Đạt
269	AB122010299	Dương Thị Thu Thủy	Nữ	25/02/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH083	12,00	15,00	26,00	21,00	74,00	Đạt
270	AB122010300	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	19/05/1988	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL608	17,00	9,00	25,00	20,00	71,00	Đạt
271	AB122010301	Trần Thị Thủy	Nữ	11/08/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL607	17,00	12,00	28,00	20,00	77,00	Đạt

272	AB122010302	Lê Thị Thanh Thuý	Nữ	06/07/1988	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL606	18,00	12,00	26,00	24,00	80,00	Đạt
273	AB122010303	Trần Thị Thùy	Nữ	20/10/1995	Trường ĐHL	Luật kinh tế	20D6011027	15,00	14,00	30,00	23,00	82,00	Đạt
274	AB122010304	Lê Thị Ngọc Thùy	Nữ	11/12/1989	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062051	18,00	13,00	26,00	22,00	79,00	Đạt
275	AB122010305	Lê Thị Thùy	Nữ	01/10/1976	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL019	10,00	12,00	30,00	26,00	78,00	Đạt
276	AB122010306	Trần Thị Thuýên	Nữ	10/10/1974	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL610	16,00	8,00	28,00	27,00	79,00	Đạt
277	AB122010307	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	12/12/1995	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL603	17,00	13,00	27,00	25,00	82,00	Đạt
278	AB122010308	Nguyễn Thị Hồng Thư	Nữ	01/05/1980	Trường ĐHSP	Giáo dục học (MN)	2021GD075	10,00	9,00	22,00	22,00	63,00	Đạt
279	AB122010309	Đình Trọng Thực	Nam	04/12/1983	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062050	14,00	8,00	21,00	20,00	63,00	Đạt
280	AB122010310	Nguyễn Trung Thực	Nam	09/12/1978	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL604	13,00	7,00	25,00	27,00	72,00	Đạt
281	AB122010311	Hồ Diệu Thương	Nữ	13/12/1986	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041030	17,00	13,00	28,00	25,00	83,00	Đạt
282	AB122010312	Nguyễn Thị Hương Trà	Nữ	20/04/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT033	18,00	10,00	27,00	21,00	76,00	Đạt
283	AB122010313	Nguyễn Phước Huyền Trang	Nữ	07/10/1991	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041035	13,00	13,00	21,00	24,00	71,00	Đạt
284	AB122010314	Trần Thị Trang	Nữ	23/07/1983	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062052	18,00	9,00	27,00	23,00	77,00	Đạt
285	AB122010315	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	18/02/1991	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MC062053	10,00	10,00	23,00	25,00	68,00	Đạt
286	AB122010316	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	21/01/1994	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MB062031	15,00	11,00	22,00	27,00	75,00	Đạt
287	AB122010318	Nguyễn Thị Nha Trang	Nữ	10/10/1982	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Sinh học	2021PS010	16,00	9,00	29,00	23,00	77,00	Đạt
288	AB122010319	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	08/05/1991	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI006	18,00	11,00	24,00	23,00	76,00	Đạt
289	AB122010320	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	22/07/1985	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI007	20,00	9,00	25,00	24,00	78,00	Đạt
290	AB122010321	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	03/05/1981	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD150	7,00	10,00	24,00	22,00	63,00	Đạt
291	AB122010322	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	04/06/1998	Trường ĐHSP	Văn học Việt Nam	2020VHVN657	17,00	11,00	29,00	25,00	82,00	Đạt
292	AB122010323	Nguyễn Thị Thuý Trang	Nữ	27/11/1989	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH084	14,00	12,00	22,00	24,00	72,00	Đạt
293	AB122010324	Bùi Thị Tuyết Trâm	Nữ	24/08/1975	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT034	14,00	10,00	25,00	26,00	75,00	Đạt
294	AB122010325	Lê Nam Trân	Nam	01/03/1982	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041082	14,00	8,00	23,00	19,00	64,00	Đạt
295	AB122010326	Phan Vũ Thùy Trân	Nữ	20/07/1996	Trường ĐHSP	Lý luận văn học	2021LL006	15,00	15,00	28,00	25,00	83,00	Đạt
296	AB122010327	Nguyễn Duy Trí	Nam	10/07/1988	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Toán	2020PPT0305	15,00	11,00	22,00	21,00	69,00	Đạt
297	AB122010328	Nguyễn Minh Trí	Nam	22/09/1992	Trường ĐHSP	LL&PPDH Hóa học	2020PPHH192	14,00	13,00	22,00	26,00	75,00	Đạt
298	AB122010329	Lê Thị Trinh	Nữ	24/04/1984	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	21MA062074	19,00	11,00	23,00	22,00	75,00	Đạt
299	AB122010330	Phạm Thị Kiều Trinh	Nữ	31/10/1981	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD101	8,00	10,00	22,00	22,00	62,00	Đạt

300	AB122010331	Lê Thị Uyên Trinh	Nữ	28/08/1984	Trường ĐHSP	Hệ thống thông tin	2021TI008	14,00	13,00	26,00	25,00	78,00	Đạt
301	AB122010333	Nguyễn Thị Trúc	Nữ	08/12/1981	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM Toán	2021PT038	14,00	9,00	27,00	26,00	76,00	Đạt
302	AB122010334	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	15/09/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL664	9,00	10,00	26,00	22,00	67,00	Đạt
303	AB122010335	Đình Bình Trung	Nam	20/12/1977	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL614	14,00	10,00	26,00	27,00	77,00	Đạt
304	AB122010336	Trương Diệu Uyên	Nữ	09/09/1996	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	1941111	15,00	15,00	25,00	25,00	80,00	Đạt
305	AB122010337	Chu Bùi Tú Uyên	Nữ	14/11/1996	Trường ĐHSP	LL&PPDHBM văn - TV	2020PPNV326	15,00	15,50	25,00	20,00	75,50	Đạt
306	AB122010338	Nguyễn Ngọc Diệu Vân	Nữ	04/02/1998	Trường ĐHKT	Quản lý kinh tế	2041083	14,00	14,00	27,00	26,00	81,00	Đạt
307	AB122010339	Đỗ Thị Hồng Vân	Nữ	24/09/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL619	15,00	8,50	26,00	26,00	75,50	Đạt
308	AB122010340	Cái Thị Cẩm Vân	Nữ	04/07/1988	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2021GD080	10,00	12,50	14,00	24,00	60,50	Đạt
309	AB122010341	Đỗ Thị Vân	Nữ	20/03/1993	Trường ĐHSP	GDH (Mầm non)	2021GD081	18,00	9,00	27,00	22,00	76,00	Đạt
310	AB122010343	Nguyễn Thị Hoài Vi	Nữ	07/12/1996	Trường ĐHNL	Quản lý đất đai	20MA062051	12,00	12,50	19,00	24,00	67,50	Đạt
311	AB122010344	Trương Thị Thuý Vi	Nữ	12/11/1986	Trường ĐHSP	Giáo dục học	2020GDH089	17,00	12,00	20,00	27,00	76,00	Đạt
312	AB122010345	Đoàn Quang Việt	Nam	28/02/1994	Trường ĐHSP	LL&PPDH BM Hoá học	2020HHC681	17,00	14,50	28,00	23,00	82,50	Đạt
313	AB122010346	Cao Ngọc Vinh	Nam	28/08/1980	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL621	15,00	12,00	27,00	22,00	76,00	Đạt
314	AB122010347	Hoàng Quang Vinh	Nam	02/09/1977	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL622	15,00	11,00	27,00	27,00	80,00	Đạt
315	AB122010348	Huỳnh Thế Vinh	Nam	05/05/1982	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL627	19,00	9,00	24,00	21,00	73,00	Đạt
316	AB122010349	Phan Quốc Vũ	Nam	27/10/1982	Trường ĐHNL	Lâm học	21MA062108	12,00	9,00	23,00	25,00	69,00	Đạt
317	AB122010350	Nguyễn Thị Kim Vui	Nữ	07/01/1996	Trường ĐHSP	Giáo dục học (GDTH)	2020GDH091	16,00	12,50	25,00	23,00	76,50	Đạt
318	AB122010353	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	15/03/1979	Trường ĐHSP	Quản lý giáo dục	2021QL623	18,00	9,00	29,00	23,00	79,00	Đạt

Danh sách này gồm có 318 thí sinh đạt và được cấp giấy chứng nhận./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Linh**